**Ngày soạn: 18/11/2022**

**Ngày giảng: Thứ hai ngày 21/11/2022**

**KÊ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 12**

**CHỦ ĐỀ 3: TRUYỀN THỐNG TRƯỜNG EM**

**Tiết 1: SINH HOẠT DƯỚI CỜ**

**Trưng bày và giới thiệu sản phẩm ở "Góc tri ân" thầy cô.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết được những việc làm để thể hiện tri ân các thầy cô ngày 20-11.

- Có kỹ năng biết làm các sản phẩm để bày tỏ lòng biết ơn thầy cô.

- Rèn kĩ năng mạnh dạn, tự tin khi trình bày các sản phẩm của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, phần mềm zoom. Một số bài hát, video về thầy cô

**2. Đối với HS:** Máy tính, điện thoại, 1 số bức tranh, hình ảnh để giới thiệu về thầy cô của mình.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Chào cờ: (5)**  - Ổn định tổ chức  -GV điều khiển lễ chào cờ  - Lớp nghe hát Quốc ca, Đội ca.  - GV nhận xét thi đua  - GV triển khai kế hoạch tuần  **2.Làm thiệp để kính tặng thầy cô**  -GV nêu câu hỏi: Trong lớp có những bạn nào đã biết làm thiệp?  -Mời 1-2 HS giơ tay nói về cách làm thiệp  -GV HD HS làm thiệp theo trình tự  -GV giới thiệu 1 số mẫu thiệp để HS tham khảo  -GV gợi ý cho HS có thể vẽ tranh, làm bông hoa, … để bày tỏ lòng biết ơn của em đối với thầy, cô giáo  -HS thực hành làm sản phẩm theo ý tưởng, ý thích của bản thân  -Tổ chức cho HS tặng thầy cô sản phẩm đã làm được  -GV cảm ơn và dặn dò những điều thầy cô mong muốn ở các em HS của mình  **3.Trưng bày các sản phẩm để tạo góc tri ân**  **\* Bước 1: yêu cầu HS chia sẻ những ki niệm về thầy cô của mình.**  **\*Bước 2: HS chia sẻ những hình ảnh bằng cách vẽ, làm những tấm thiệp, bó hoa , hộp quà giới thệu trước lớp.**  **+ Em cảm thấy như thế nào khi tạo ra một một sản phẩm đê tặng cho thầy cô?**  **\*GV chốt:** Mỗi một sản phẩm đều chứa đựng tình yêu thương của HS dành cho thầy cô. Vì vậy mình phải biết yêu quý sản phẩm do mình làm ra.  **3. Chia sẻ một kỉ niệm của thầy cô đã dạy chúng ta:**  - Dù là kỷ niện có vui, có buồn thì điều mong muốn của các thầy cô đều mong các con chăm ngoan, học giỏi nghe lời ông bà, bố mẹ xứng đáng là con ngoan, trò giỏi?  **4 . Củng cố**  + Muốn có 1 sản phẩm để tặng tri ân thầy cô thì em chọn sp nào? Vì sao? | -Học sinh tham gia  -HS lắng nghe.  - HS trả lời  -HS chia sẻ  -HS trả lời  -HS chia sẻ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 133: Bài 51: et, et, êt ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vầnet, êt, it; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần et, êt, it; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vầnet, êt, it (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần et, êt, it.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vầnet, êt, it có trong bài học.Phát triển kỹ năng nói về thời tiết (nóng, lạnh) thể hiện qua trang phục hoặc cảnh sắc thiên nhiên. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các loài lông vũ nhỏ, gần gũi với con người như vịt, vẹt, én,.., hay nhận biết về cảnh sắc của mùa xuân với những “tín hiệu”sinh học từ loài cây đặc trưng cho mùa này (cây đào) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: 1. Đối vẹt trên cành cây đang nói chuyện" với nhau; 2. Sự thức dậy của mùa xuân qua những báo hiệu từ cây đào đâm chồi, nảy lộc, nở hoa và đàn én nhỏtừ nơi tránh rét bay về.

- Cảm nhận được tình cảm bạn bè thông qua hình ảnh các loài chim ríu rít bên nhau, rèn luyện sự tự tin khi phải trình bày (nói, hát,...) trước đám đông.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**Máy tính, ti vi

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi chuyền hoa 3 bông (mỗi bông tiếng có từ bật lử, lọ mực, cột mốc,…  -Viết: đôi mắt  - Nhận xét. | - HS tham gia chơi  -HS trả lời câu hỏi khi nhận được bông hoa.  -HS viết bảng con |
| **2. Nhận biết** |  |
| - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| +) Em thấy gì trong tranh? | -2 con vẹt đang đậu tren cành cây |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh.  + Đôi vẹt ríu rít mãi không hết chuyện. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| +) Tiếng có chứa âmet, êt, it? | - HS nêu và đọc các tiếng: bắc, bậc, thác. |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm et, êt, it  . Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **a. Đọc vần:** et, êt, it**:** |  |
| - So sánh các vần: |  |
| +) So sánh et, êt, it? | - |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ăn, ân với an để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm t đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: e, ê, i |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: et, êt, it Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần et  - HS tháo chữ e, ghép ê vào để tạo thành êt  - HS tháo chữ ê ghép i vào để tạo thành it |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| - Đọc tiếng trong SHS. |  |
| **b. Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ vần et đã học, làm thế nào để có tiếng vẹt? | Lấy chữ ghi âm th ghép trước ac, thêm dấu sắctrêna xem ta được tiếng thác |
| - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: thác   |  |  | | --- | --- | | v | et | | Vẹt | |   - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu thác  (vờ - ét – vét – nặng – vẹt) | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. két sét vẹt, dệt, nết, tết, lít mít vịt | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần et, êt,itvới các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vầnet, êt, it |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HSđọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Con vẹt bồ kết quả mít |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: et, êt, it? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần et, êt, itđọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **4. Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ:et, êt, ít, bồ kết, quả mít và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong e, ê, I với t và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con:et, êt, ít, bồ kết, quả mít |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS  \* Củng cố - Dặn dò:  - Gọi HS đọc lại bài  - Nhận xét tiết học. | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

TOÁN

TIẾT 34: **PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (Tiếp theo- Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**: Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 6 và thành lập bảng trừ trong phạm vi 6.

**2. Kĩ năng:**

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**3. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Nhận biết được 1 số phép tính trừ trong phạm vi 6

- Biết hoạt động cùng nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Các que tính, các chấm tròn. Một số tình huống thực tế có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

- HS: VBT, SGK, bộ đồ dùng toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** |
| **A. Hoạt động khởi động 5’**  - GV Cho học sinh chơi trò chơi “Đố bạn”, để tìm kết quả của các phép trừ phạm vi 6 đã học.  - GV tóm lại: | - HS chơi trò chơi. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức 15’** |  |
| **- GV hướng dẫn HS tìm kết quả của từng phép trừ trong phạm vi 6:**  **1- 1= 0; 2 - 1= 1; 3 - 1= 2;**  **4 - 1= 3; 5 - 1= 4; 6 - 1= 5;…** | **- HS thảo luận theo cặp đôi: Bạn A rút một thẻ, đọc phép tính, đố bạn B nêu kết quả của phép tính.** |
| -> Giáo viên chỉ vào từng bức tranh và nhấn mạnh các thuật ngữ: trên, dưới, phải, trái, trước sau, ở giữa. | **- Sắp xếp các thẻ phép trừ theo một quy tắc nhất định.** |
| - GV giới thiệu bảng trừ trong phạm vi 6 và HD HS đọc các phép tính trong bảng. | **- Đọc cá nhân, nhóm, lớp** |
| + Con có nhận xét gì về đặc điểm của các phép tính trong từng dòng? | **- HS trả lời** |
| - GV tổng kết: Dòng thứ nhất được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 1;….; Dòng thứ sáu được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 6. |  |
| **C. Hoạt động thực hành luyện tập** |  |
| **Bài 1**. **Tính nhẩm: 10’** | **Bài 1**.  **- HS nêu yêu cầu** |
| - GV dành 1’ để HS tự nhẩm kết quả của các phép tính. | **- Cá nhân nhẩm** |
| GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Truyền điện” | **- HS chơi trò chơi**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **4- 3=1** | **4 -1=3** | **5-4=1** | | **5-1=4** | **6-1=5** | **6-3=3** | | **5-5=0** | **6-5=1** | **3-3=0** | |
| **-** GV nhận xét, củng cố |  |
| **Bài 2.** **Tìm các phép tính có kết quả là 2:**  **10’** | **Bài 2.**  **- HS nêu yêu cầu** |
| - Yêu cầu HS tự làm bài cá nhân | **- Tìm kết quả các PT trừ** |
|  | **- Chọn các phép trừ có kết quả là 2.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **4 – 2 = 2** | **5 – 3 = 2** | | | **3 - 1= 2** | | **6 - 4= 2** | | |
| - GV gọi HS chia sẻ trước lớp. | **- Chia sẻ trước lớp** |
| **-** GV nhận xét, củng cố |  |
| **E. Củng cố-dặn dò 2’** |  |
| - Bài học hôm nay em biết được điều gì?  - Về nhà tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để ngày mai chia sẻ với các bạn. | **- HS trả lời** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Ngày soạn: 19/11/2022**

**Ngày giảng: Thứ ba ngày 22/11/2022**

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 134: Bài 51: et, et, êt ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vầnet, êt, it; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần et, êt, it; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vầnet, êt, it (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần et, êt, it.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vầnet, êt, it có trong bài học.Phát triển kỹ năng nói về thời tiết (nóng, lạnh) thể hiện qua trang phục hoặc cảnh sắc thiên nhiên. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các loài lông vũ nhỏ, gần gũi với con người như vịt, vẹt, én,.., hay nhận biết về cảnh sắc của mùa xuân với những “tín hiệu”sinh học từ loài cây đặc trưng cho mùa này (cây đào) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: 1. Đối vẹt trên cành cây đang nói chuyện" với nhau; 2. Sự thức dậy của mùa xuân qua những báo hiệu từ cây đào đâm chồi, nảy lộc, nở hoa và đàn én nhỏtừ nơi tránh rét bay về.

- Cảm nhận được tình cảm bạn bè thông qua hình ảnh các loài chim ríu rít bên nhau, rèn luyện sự tự tin khi phải trình bày (nói, hát,...) trước đám đông.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**Máy tính, phần mềm zoom

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Khởi động:** Hát bài hát: Có con chim vành khuyên nhỏ  **5. Viết vở.** | -HS khởi động |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài. | - HS tô, viết chữ: et, êt, it viết từ ngữ: bồ kết, quả mít (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. |
| - Phần viết vở tập viết giao về nhà cho PH giám sát con hoàn thiện. | - HS lắng nghe. |
| **6. Đọc đoạn:** |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. |
| +) Tiếng nào chứa vần et, êt, ít? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa et, êt, íttheo yêu cầu của GV. |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |
| +) Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 5câu. |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. Đồng thanh cả đoạn. |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung câu văn. |  |
| -HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Thời tiết được miêu tả như thế nào?  + Mấy cây đào được miêu tả như thế nào?  + Khi trời ấm, điểu gì sẽ xảy ra? | + Cái rét vẫn đậm  + Mấy cây đào đã chi chít lộc non.  + Đàn én nhỏ lại ríu riys bay về |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |
| **7. Nói theo tranh.: thời tiết** |  |
| - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu:  +Các em nhìn thấy những ai trong tranh?  + Những người đó mặc trang phục gì?  +Trang phục của họ cho thấy thời tiết như thế nào?  -GV yêu câuHS nói về thời tiết khi nóng và lạnh. HS cần ăn mặc hay cần chú ý điều gì khi nóng và lạnh. Kết nối với nội dung bài đọc: Trời ấm, hoa đào nở, chim én bay về,... GV mở rộng: gìúp HS hiểu được con người, cũng như động vật, cây cối,... cần thay đổi để phù hợp với thời tiết.  \* GV liên hệ: Các con cần ăn mặc cho phù hợp với thời tiết để đảm bảo sk  \*HDHS làm bài tập trong VBT TV  **\*. Củng cố :**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm et, êt, it. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Dặn HS ôn lại bài, chuẩn bị bài sau. | -HS quan sát tranh  + .. nhìn thấy các bạn nhỏ.  + Bạn nam quần áo ngắn tay, 1 bạn mặc quần áo ấm  + HS trả lời  -HS làm bài  Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 135: Bài 52: ut, ưt( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc dúng các vầnut, ưt; đọc dúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ut, ưt; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vầnut, ưt (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vầnut, ưt

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vầnut, ưt có trong bài học.kỹ năng nói về niềm vui, sở thích. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết những chi tiết trong tranh về hoạt động của con người (một trận bóng đá) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: 1. Câu thủ số 7 đang sút bóng; 2. Một trận bóng đá nhi đồng khi câu thủ số 7 vừa ghi bàn, các khán gìả nhí đang hò reo ăn mừng chiến thắng; 3. Một trận bóng đá ở trường của các bạn học sinh lớp 1A và 1B.

- Cảm nhận được tinh thần đồng đội trong thể thao thông qua đoạn văn học và hình ảnh trong bài, ứng dụng tinh thần ấy trong các hoạt động nhóm hay hoạt độngtập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:** Máy tính, phần mềm zoom.

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi : Ô chữ bí mật (mỗi ô chữ có từ con vẹt, bồ kết, quả mít, ríu rít,  -Viết: con vẹt  - Nhận xét. | - HS tham gia chơi  -HS trả lời câu hỏi khi nhận được bông hoa.  -HS viết bảng con |
| **2. Nhận biết** |  |
| - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| +) Em thấy gì trong tranh? | -cầu thủ đang sút bóng |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh.  + Cầu thủ số 7 thu hút khan giả bằng một cú sút dứt điểm. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| +) Tiếng có chứa âmút, ưt? | - HS nêu và đọc các tiếng: hút, sút, dứt. |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm ut, ưt  . Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **a. Đọc vần:** ut, ưt |  |
| - So sánh các vần: |  |
| +) So sánh ut, ưt? | - |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ut, ưt với nhau để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm t đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: u,ư. |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: ut , ưt.Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ut  - HS tháo chữ u, ghép ư vào để tạo thành ưt. |
| - Tổ chức đọc.  - Đọc tiếng trong SHS. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| **b. Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ vầnut đã học, làm thế nào để có tiếng sút? | Lấy chữ ghi âm th ghép trước ac, thêm dấu sắctrêna xem ta được tiếng thác |
| - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: thác   |  |  | | --- | --- | | s | ut | | sút | |   - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu thác  (sờ - út – sút – sắc - sút) | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc.:bụt , hụt, lụt, sụt, dứt, mứt, nứt, sứt. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần ut, ưtvới các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vầnet, êt, it |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HSđọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  bút chì mứt dừa nứt nẻ |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: ut, ưt? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần ut, ưtđọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **4. Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ: ut, ưt, bút chì, mứt dừa và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong u, ư với t và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con:ut, ưt, bút chì, mứt dừa |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS  \* Củng cố - Dặn dò:  - Gọi HS đọc lại bài  - Nhận xét tiết học. | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt**

**Tiết 136: Bài 52: UT ƯT( tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Giúp HS**

- Nhận biết và đọc dúng các vần *ut, ưt*; đọc dúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ut, ưt*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

Viết đúng các vần ut, ưt (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần ut, ưt

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ut, ưt có trong bài học. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết những chi tiết trong tranh về hoạt động của con người (một trận bóng đá) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: 1. Câu thủ số 7 đang sút bóng; 2. Một trận bóng đá nhi đồng khi câu thủ số 7 vừa ghi bàn, các khán gìả nhí đang hò reo ăn mừng chiến thắng; 3. Một trận bóng đá ở trường của các bạn học sinh lớp 1A và 1B.

- Cảm nhận được tinh thần đồng đội trong thể thao thông qua đoạn văn học và hình ảnh trong bài, ứng dụng tinh thần ấy trong các hoạt động nhóm hay hoạt động tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG**

- GV: Máy tính, bài Point, phần mềm zoom.

- HS: Máy tính, máy tính bảng, sách vở.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Khởi động:** Hát bài hát: Quả bóng tròn.  **5. Viết vở.** | -HS khởi động |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài. | - HS tô, viết chữ: ut, ưt viết từ ngữ: bút chì, mứt dừa (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. |
| - Phần viết vở tập viết giao về nhà cho PH giám sát con hoàn thiện. | - HS nhận xét. |
| **6. Đọc đoạn:** |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. |
| +) Tiếng nào chứa vần ut, ưt? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa ut, ưt theo yêu cầu của GV. |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |
| +) Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 5câu. |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. Đồng thanh cả đoạn. |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung câu văn. |  |
| - GV yêu câu HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Trận đấu thế nào?  + Ở những phút đầu, đội nào dẫn trước?  + Ai đã san bằng tỉ số?  + Cuối cùng đội nào chiến thắng?  + Khán gìả vui mừng như thế nào? | + Trận đấu thật gay cấn  + Đội bạn dẫn trước.  + Cầu thủ số 7  + Đội lớp 1B thắng  + Khán già hò reo, nhảy múa |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |
| **7. Nói theo tranh.: đá bóng** |  |
| - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu:  + Tên của môn thể thao trong tranh là gì?  Em biết gì về môn thể thao này?  + Em từng chơi môn thể thao này bao gìờ chưa?  + Em có thích xem hay chơi không? - GV yêu câu HS có thể trao đổi thêm về thể thao và lợi ích của việc chơi thể thao.  \*GV liên hệ: Các con có quyền được chơi những môn thể thao mà mìn yêu thích  \*HDHS làm bài tập trong VBT TV  **\*. Củng cố :**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm et, êt, it. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Dặn HS ôn lại bài, chuẩn bị bài sau. | -HS quan sát tranh  + bóng đá  + Hai đội đá bóng có trọng tài, đội nào đá bóng vào lưới đội kia nhiều hơn thi đội ấy thắng..  + HS chia sẻ  -HS làm bài  Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**TIẾT 32: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một sổ tình huống gắn với thực tế. Phát triến các NL toán học:NL giải quyết vấn đề, toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Máy tính, bài Point, phần mềm zoom, Qiuzzi.

- HS: Máy tính, máy tính bảng, sách vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **A. Hoạt động khởi động: 5p**  - GV gọi 2 hs lên bảng làm bài tập.  - Gv tuyên dương học sinh  **-** Gv đưa tranh cho hs quan sát  - HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:  + Có 6 con cá trong bể. bắt ra 4 con cá Để biết có tất cả bao nhiêu con cá chúng ta làm như thế nào?  + Có 5 bạn đang chơi, có 4 bạn ra về. Hỏi còn lại bao nhiêu bạn?  B. Hoạt động thực hành, luyện tập: (15p)  Bài 1: Số?  - Nêu yêu cầu bài tập  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).  **Bài 2. Tính nhẩm?**  - Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thê dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).  **Bài 3: Số?**  - gv hướng dẫn học sinh cách làm và yêu cầu học sinh làm sau khi hết tiết học và chụp lại bài làm đó gửi lại cho giáo viên.  - Xem tranh rồi kể chuyện theo mỗi phép tính.  C. Hoạt động vận dụng: (10p)  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.  \*Củng cố, dặn dò: (5p)  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - 2 hs lên bảng làm.   |  |  | | --- | --- | | **6 – 2 = 3**  **3 – 3 = 0**  **5 – 2 = 3** | **5 – 4 = 1**  **4 – 3 = 1**  **4 – 1= 3** |   *- Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh.  - Chia sẻ trước lóp: đại diện một số bàn, đứng tại chồ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được.   * Hs làm bài cá nhân. * Hs Đổi vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện. Chia sẻ trước lớp. * Hs lắng nghe. * Hs nghe và ghi nhớ. * Hs trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.**Ngày soạn: 20/11/2022**

**Ngày giảng: Thứ tư ngày 2311/2022**

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 137: Bài 53: ap, ăp, âp ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vầnap, ăp, âp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ă, ăp,âp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vầnap, ăp, âp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ap, ăp, âp

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ap, ăp, âp có trong bài học. Phát triển kỹ năng sử dụng các đồ vật quen thuộc. kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về hoạt động của con người.

- Cảm nhận được tình cảm, sự gần gũigìữa các thành viên trong gìa đình được minh hoạ trong tranh; từ đó yêu mến gìa đình của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:** Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi : Ô chữ bí mật (mỗi ô chữ có các từ trong bài 52)  -Viết: nứt nẻ  - Nhận xét. | - HS tham gia chơi  -HS trả lời câu hỏi khi nhận được bông hoa.  -HS viết bảng con |
| **2. Nhận biết** |  |
| - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| +) Em thấy gì trong tranh? | -mẹ lai be bằng xe đạp, đường phố có đông người |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh.  + Mẹ đạp xe đưa Hà đên lớp. Khắp phố tấp nập. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| +) Tiếng có chứa âm: ap, ăp, âp? | - HS nêu và đọc các tiếng: hút, sút, dứt. |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm: ap, ăp, âp  . Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **a. Đọc vần:** ap, ăp, âp |  |
| - So sánh các vần: |  |
| +) So sánh ap, ăp, âp? | - |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ap, ăp, âp với nhau để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm p đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: ap, ăp, âp |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: ap, ăp, âp. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ap  - HS tháo chữ a, ghép ăvào để tạo thànhăp  - HS tháo chữ ă ghép â vào để tạo thành âp |
| - Tổ chức đọc.  - Đọc tiếng trong SHS. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| **b. Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ vần ut đã học, làm thế nào để có tiếng đạp? | Lấy chữ ghi âm th ghép trước ac, thêm dấu sắctrêna xem ta được tiếng thác |
| - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: thác   |  |  | | --- | --- | | đ | ap | | đạp | |   - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu thác  (đờ - áp – đáp – nặng – đạp) | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc.:rạp sạp tháp bắp cặp gặp …. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần ap, ăp, âpvới các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vầnap, ăp, âp |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HSđọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Xe đạp cặp da, cá mập |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: ap ăp âp ? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần ut, ưt đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **4. Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ:ap ăp ăp cặp da cá mập và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong a, ă với pvà giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con:ap, ăp, âp, cặp da, cá mập |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS  \* Củng cố - Dặn dò:  - Gọi HS đọc lại bài  - Nhận xét tiết học. | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt**

**Tiết 138 : Bài 53: AP ĂP ÂP ( tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**Giúp HS:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ap, ăp, âp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ap, ăp, âp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vần ap, ăp, âp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ap, ăp, âp.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ap, ăp, âp có trong bài học. Phát triển kỹ năng nói về các đồ vật quen thuộc, miêu tả chúng và nói về các công dụng của chúng. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về người phụ nữ đèo con đến trường, về chiếc tivi và các đồ vật quen thuộc khác.

- Cảm nhận được tình cảm gia đình thông qua hình ảnh mẹ đưa con đi học.

**II. ĐỒ DÙNG**

- GV: Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv

- HS: Máy tính, máy tính bảng, sách vở.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - Phần viết vở tập viết giao về nhà cho PH giám sát con hoàn thiện.  **6. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu câu HS đọc thẩm và tìm các tiếng có vần ap, ăp, âp.  - GV yêu câu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ap, ăp, âp trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu câu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi thanh một lần. một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rói cả lớp đọc đồng  - GV yêu câu một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Khi ngủ, “ tôi” thế nào?  + Thức dậy, “ tôi” có thể làm gì?  + Bạn có thể làm gì nếu có “tôi”?  + “Tôi” là ai?  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu câu HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu:  Khi nào em phải đội mũ bảo hiểm?  Khi nào em dùng mũ vải?  Đò vật nào quen thuộc khác mà em muốn nói với các bạn?  - GV yêu câu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về những đồ vật quen thuộc.  **8. Củng cố**  - GV yêu câu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ap, ăp, ât và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần at, ăt, åt và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe  -HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS tìm  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -Hs tìm  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 54: op, ôp, ơp ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần op, ôp, ơp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần op, ôp, ơp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vần op, ôp, ơp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần op, ôp, ơp

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vầnop, ôp, ơp có trong bài học. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết về một số loài vật sống ở ao hố và hiện tượng thời tiết. kỹ năng nhận biết và nói về ao, hồ. Qua đó, HS cũng có thể có thêm hiểu biết về thế gìới xung quanh và có những ứng xử phù hợp.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống, từ đó yêu hơn thiên nhiên và cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi : Ô chữ bí mật (mỗi ô chữ có các từ trong bài 53)  -Viết: cặp da  - Nhận xét. | - HS tham gia chơi  -HS trả lời câu hỏi khi nhận được bông hoa.  -HS viết bảng con |
| **2. Nhận biết** |  |
| - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| +) Em thấy gì trong tranh? | -có các chú ếch, những con cá và những hạt mưa |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh.  + Mưa rào rơi lộp độp, ếch nhái tụ họp thi hát, cá cờ há miệng đớp mưa. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| +) Tiếng có chứa âm: op, ôp, ơp? | - HS nêu và đọc các tiếng: lộp, độp, họp, đớp. |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm: op, ôp, ơp  . Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **a. Đọc vần:** op, ôp, ơp |  |
| - So sánh các vần: |  |
| +) So sánh op, ôp, ơp? | - |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ap, ăp, âp với nhau để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm p đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: o, ô, ơ |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: op, ôp, ơp. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần op  - HS tháo chữ o, ghép ô vào để tạo thànhôp  - HS tháo chữ ô ghép ơp vào để tạo thànhơp |
| - Tổ chức đọc.  - Đọc tiếng trong SHS. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| **b. Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ vầnop đã học, làm thế nào để có tiếng họp? | Lấy chữ ghi âm h ghép trước op, thêm dấu nặngdưới o xem ta được tiếng họp. |
| - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: thác   |  |  | | --- | --- | | h | op | | họp | |   - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu thác  (hờ - óp – hóp – nặng – họp) | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc.:cọp góp họp hộp tốp xốp ….. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần op, ôp, ơpvới các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vầnop, ôp, ơp |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HSđọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Con cọp lốp xe tia chớp |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: op ôp ơp? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần op, ôp, ơpđọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **4. Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ:op, ôp, ơp, lốp xe, tia chớpvà hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong o, ô ơ với p và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con:op, ôp, lốp xe, tia chớp |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS  \* Củng cố - Dặn dò:  - Gọi HS đọc lại bài  - Nhận xét tiết học. | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

Bài 27. **PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng trừ trong phạm vi 6.*

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học :NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 6.

Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG DẠY | HOẠT ĐỘNG HỌC |
| **A.Hoạt động khởi động**  - HDHS chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 6 đã học. | - HS chơi trò chơi “Đố bạn” |
|  |  |
|  |  |
| **Bài 3**  - Bài 3: Căn cứ vào bảng trừ trong phạm vi 6, thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng ô ? , lí giải lí do lựa chọn bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.  - GV chốt lại cách làm bài. | -Chia sẻ trước lớp. |
| **Bài 4.** GV hướng dẫn HS cách thực hiện phép trừ hai số bằng nhau và phép trừ cho số 0. GV khuyến khích HS lấy thêm các ví dụ về phép trừ có kết quả là 0 và phép trừ cho số 0. | - HS cách thực hiện phép trừ hai số bằng nhau và phép trừ cho số 0 |
| **Bài 5**  A, HD HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  **B. Trường hợp còn lại giao về nhà cho HS hoàn thành**  - GV nhận xét | -HS Chia sẻ trước lớp.  *Vỉ dụ:* Bạn trai tạo được 5 bong bóng. Có 1 bong bóng bị vỡ. Còn lại bao nhiêu bong bóng? Chọn phép trừ 5 - 1 = 4 . Còn lại 4 bong bóng. |
| **D.Hoạt động vận dụng**  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. | -HS thực hiện |
| **E.Củng cố, dặn dò**  Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Ngày soạn: 21/11/2022**

**Ngày giảng: Thứ năm ngày 24/11/2022**

**Tiếng Việt**

**Tiết 140: Bài 54: OP ÔP ƠP ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Giúp HS:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần op, ôp, ơp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần op, ôp, ơp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vần op, ôp, ơp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần op, ôp, ơp

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần op, ôp, ơp có trong bài học. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết về một số loài vật sống ở ao hồ và hiện tượng thời tiết.

- Phát triển kỹ năng nhận biết và nói về ao, hồ. Qua đó, HS cũng có thể có thêm hiểu biết về thế giới xung quanh và có những ứng xử phù hợp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv.

- HS: Máy tính, máy tính bảng, sách vở.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - Phần viết vở tập viết giao về nhà cho PH giám sát con hoàn thiện.  **6. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu câu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần op, ôp, ơp.  - GV yêu câu một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗ HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần op, ôp, ơp trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu câu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu câu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu câu HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Trong cơn mưa, họ nhà nhái làm gì?  + Mặt ao thể nào?  + Đàn cá cờ làm gì?  **7. Nói theo tranh**  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS HS quan sát tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Hai bức tranh vẽ gì?  Tranh nào vẽ ao?  Tranh nào vẽ hồ?  Em thấy ao hồ ở đâu?  Em thấy ao và hồ có gì gìống nhau và khác nhau? (Gợi ý: Ao và hồ đều có nước, ao (thường) nhỏ hơn hổ).  Có những loài vật nào sống ở ao hồ? (Gợi ý: cá, éch, nhái,..).  - GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức giữ gìn ao hồ và môi trường sống nói chung.  lưu ý HS không tắm ở ao hó.....  **8. Củng cố**  GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.  - HS tìm một số từ ngữ chứa các vần op, ôp, ơp và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV lưu ý HS ôn lại các vần op, ôp, ơp và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS xác định  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát .  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -Hs lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS tìm  -HS làm |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 55: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN ( TIẾT 1 +2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm vững cách đọc các vần ach, êch, ich ,ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh ;cách đọc các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần ach, êch, ich ,ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Phát triển kỹ năng viết thông qua viết cầu có từ ngữ chứa một số vần đã học Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể cầu chuyện Mật ong của gấu con, trả lời cầu hỏi về những gì đã nghe và kể lại cầu chuyện. Cầu chuyện cũng gìúp HS rèn kĩ năng sống và ứng xử trong tập thể biết quan tâm chia sẻ với người khác.

- Thêm yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG**

- GV: Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv

- HS: Máy tính, máy tính bảng, sách vở.

**III.** **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS viết ach, êch, ich ,ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  - Đọc vần: HS (cá nhân, nhóm) đánh vần các vần . Lớp đọc trơn CN.  - Đọc từ ngữ: HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ. Lớp đọc trơn CN  . GV có thể cho HS đọc một số từ ngữ; những từ ngữ còn lại, HS tự đọc ở nhà.  **3. Đọc đoạn**  -GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó lớp đọc CN .  - GV yêu cầu HS trả lời một số cầu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  *Sáng sáng, Hà dậy sớm làm gì?*  *Một hôm tỉnh giấc, Hà nghe thấy gì?*  *Vì sao con gà của Hà chẳng gáy?*  **4. Viết cầu**  - GV hướng dẫn viết vào vở Tập viết 1, tập một cầu “Em vẽ vầng trăng sáng” (chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ). Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gìan cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | -Hs viết  -Hs đọc  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc sau đó từng nhóm và CN đọc một số lần.  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs lắng nghe  -HS viết  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Kể chuyện**  a. Văn bản  QUẠ VÀ ĐÀN BỒ CÂU  Quạ thấy đàn bố cầu được nuôi ăn đầy đủ, nó bỏi trắng lông mình rói bay vào chuống bố câu. Đàn bố câu thoạt đầu tưởng nó cũng là bổ câu như mọi con khác, thế là cho nó vào chuồng. Nhưng qua quên khuẩy và cất tiếng kêu theo lối quạ. Bẩy giờ họ nhà bồ câu xúm vào mổ và đuổi nó đi. Quạ bay trở về với họ nhà quạ, nhưng họ nhà quạ sợ hãi nó bởi vì nó trắng toát, và cũng đuổi cổ nó đi.  (Theo Truyện ngụ ngôn)  **b. GV kể chuyện, đặt cầu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ cầu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt cầu hỏi.  Đoạn 1: Từ đầu đến vào chuồng bồ câu. GV hỏi HS:  1. *Quạ bối trắng lông mình để làm gì?*  Đoạn 2: Từ Đàn bồ câu thoạt đầu đến cho nó vào chuống. GV hỏi HS:  2. *Vì sao đàn bó câu cho qua vào chuồng.*  Đoạn 3: Từ Nhưng quạ quên khuấy đến đuổi nó đi. GV hỏi HS:  3. *Khi phát hiện ra quạ đàn bổ câu làm gì?*  Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  4. *Vì sao họ nhà quạ cũng đuối quạ đi?*  - GV có thể tạo điểu kiện cho HS để tìm ra cầu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của cầu chuyện được kể  **c. HS kể chuyện**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ cầu chuyện. GV cần tạo điểu kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra cầu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của cầu chuyện được kể. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ cầu chuyện và thi kể chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gìan để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả,  **6. Củng cố**  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà; kể cho người thân trong gìa đình hoặc bạn bè cầu chuyện | -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -HS kể  -HS kể    -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**HD ÔN LUYỆN Tiếng Việt**

**Bài 53: AP ĂP ÂP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**Giúp HS:**

- Ôn luyện các vần ap, ăp, âp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ap, ăp, âp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vần ap, ăp, âp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ap, ăp, âp.

**II. ĐỒ DÙNG**

- GV: Máy tính, bài Point

- HS: Máy tính, máy tính bảng, sách vở.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Đọc vần: ap, ăp, âp**   **b. Đọc tiếng:**  **c. Đọc từ ngữ.**  **5. Viết vở**  - Phần viết vở tập viết giao về nhà cho PH giám sát con hoàn thiện.  **6. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu câu HS đọc thẩm và tìm các tiếng có vần ap, ăp, âp.  - GV yêu câu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ap, ăp, âp trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu câu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi thanh một lần. một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rói cả lớp đọc đồng  - GV yêu câu một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Khi ngủ, “ tôi” thế nào?  + Thức dậy, “ tôi” có thể làm gì?  + Bạn có thể làm gì nếu có “tôi”?  + “Tôi” là ai?  **8. Củng cố**  - GV yêu câu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ap, ăp, ât và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần at, ăt, åt và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe  -HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS tìm  - HS đọc  -Hs tìm  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng việt**

**Tiết 143: Ôn luyện tuần 11( Tiết 1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm vững cách đọc các vầnet, êt, it, ut, ưt, ap, ăp, âp, op, ơp, ôp;cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vầnet, êt, it, ut, ưt, ap, ăp, âp, op, ơp, ôp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết câu có từ ngữ chứa một số vần đã học.

- Thêm yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:**Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ mở đầu: ( 5)**  **Ôn và khởi động**  - HS đọc, viết et, êt, it, ut, ưt, ap, ăp, âp, op, ơp, ôp  **2. HĐ luyện tập, vận dụng( 35)**  **\*. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  - Đọc vần: HS (cá nhân, nhóm) đánh vần các vần . Lớp đọc trơn đồng thanh.  - Đọc từ ngữ: HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ. Lớp đọc trơn đồng thanh. GV có thể cho HS đọc một số từ ngữ; những từ ngữ còn lại, HS tự đọc ở nhà.  **\*. Đọc đoạn**  -GV yêu câu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu câu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó lớp đọc đồng thanh.  - GV yêu câu HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  + Mưa được miêu tả như thế nào?  + Tiếng sấm sét như thế nào?  + Khi mưa dứt, mặt trời thế nào?  + Sau con mưa, vạn vật như thế nào?  **\*. Viết câu**  - GV hướng dẫn viết vào vở Tập viết 1, tập một câu “Mưa lộp độp rồi dứt hẳn” (chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ). Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gìan cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS.  \* Củng cố - dặn dò:  -HS đọc lại bài.  -Nhận xét tiết học | -HS đọc  Hs viết bảng con.  -Hs đọc  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs lắng nghe  -HS viết  -Hs lắng nghe |

**Ngày soạn: 22/11/2022**

**Ngày giảng: Thứ sáu ngày 25/11/2022**

**Chủ đề: THỰC HIỆN NỘI QUY TRƯỜNG, LỚP**

**BÀI 10: ĐI HỌC ĐÚNG GIỜ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Bài học góp phần hình thành, phát triển cho HS phẩm chất chăm chỉ và năng lực điều chỉnh hành vi dựa trên các yêu cầu cần đạt sau:

- Nêu được những biểu hiện thực hiện đi học đúng giờ;

- Biết vì sao phải thực hiện đi học đúng giờ;

- Thực hiện đi học đúng giờ;

- Nhắc nhở bạn bè thực hiện đi học đúng giờ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo về trẻ tự giác thực hiện đi học đúng giờ - Tranh, ảnh, video bài hát Đi học (nhạc và lời Đình Thảo)

- Phiếu “Tuần tự giác đi học đúng giờ” (dành cho hoạt động thực hành):

**PHIẾU TUẦN TỰ GIÁC ĐI HỌC ĐÚNG GIỜ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Việc làm** | **Dành cho học sinh** | | | | | **Dành cho bố mẹ** |
| **T2** | **T3** | **T4** | **T5** | **T6** |  |
| Hình bạn nhỏ chuẩn bị đồ dùng học tập từ tối hôm trước | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg |  |
| Hình bạn nhỏ đặt báo thức đề thức dậy đi học | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg |  |
| Hình bạn nhỏ thức dậy đúng giờ | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg |  |
| Hình bạn nhỏ ăn sáng | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg |  |
| Hình bạn nhỏ tự đi học | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg | D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg |  |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động dạy** | | **Hoạt động học** |
| **Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)**  - Mục đích: Tạo tâm thế tích cực cho HS và dẫn dắt HS vào bài học  - Nội dung: Nghe và hát theo bài hát “Đi học”  - Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi về nội dung bài hát.  - Cách thức thực hiện | | |
| * Cho hs nghe bài hát “Đi học” * Nêu các câu hỏi HS cần trả lời theo lời bài hát:   + Hôm qua bạn nhỏ đến trường với ai?  + Hôm nay bạn nhỏ đến trường cùng ai?  + Dù đến trường cùng ba mẹ hay một mình thì chúng ta cũng cần đi học như thế nào?  Vậy đi học đúng giờ mang lợi ích gì, cần làm gì để đi học đúng giờ. Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay: Đi học đúng giờ (ghi tên bài lên bảng). | | - Lắng nghe và hát theo  - Trả lời các câu hỏi:  + Hôm qua bạn nhỏ được mẹ dắt tay đến trường.  + Một mình em tới lớp.  + Dù đến trường cùng ba mẹ hay một mình thì chúng ta cũng cần đi học đúng giờ  + Nghe và nhắc lại tên bài. |
| **Hoạt động 2: Khám phá vấn đề (10 phút)**   * Mục đích: HS nêu được việc đi học đúng giờ mang lại lợi ích gì? Nêu được việc cần làm để đi học đúng giờ. * Nội dung:   + HS đồng tình hay không đồng tình với việc làm của bạn nào ? Vì sao?  + Lợi ích của việc đi học đúng giờ  +Nêu được việc cần làm để đi học đúng giờ.   * Sản phẩm: HS biết đồng tình hay không đồng tình với việc làm của bạn nào. Nêu được lợi ích và biểu hiện của việc đi học đúng giờ. * Cách thức thực hiện | | |
| - Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  + Tranh vẽ gì?  + GV hướng dẫn đọc lời thoại  + Phân vai đọc lời thoại trong tranh   * Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi (chia đều câu hỏi theo số nhóm):   + Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm của bạn nào ? Vì sao?  + Theo em việc đi học đúng giờ mang lại lợi ích gì?  - Theo dõi, hướng dẫn, khuyến khích nhóm HS nêu được càng nhiều việc càng tốt (có thể tạo thành cuộc thi đua nho nhỏ).  - Viết ý chính của các câu trả lời lên bảng.  - Mời đại diện 1 nhóm trình bày.  - Tổng kết/trình chiếu hình ảnh và bổ sung những lợi ích của việc đi học đúng giờ.  - Khen những nhóm nêu được nhiều lợi ích và có cách trình bày rõ ràng, thuyết phục.  - Chỉ ra điều HS cần khắc phục để phần trình bày có thể tốt hơn.  - Cho hs quan sát 5 tranh SGK thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi: Bạn nhỏ trong tranh đã làm gì để đi học đúng giờ  - Hỏi: Em cần làm gì để đi học đúng giờ?  - Tổng kết/trình chiếu hình ảnh và bổ sung những lợi ích của việc đi học đúng giờ.  - Khen những hs nêu được nhiều việc để đi học đúng giờ và có cách trình bày rõ ràng, thuyết phục. | | - Quan sát tranh và trả lời câu hỏi  + Tranh vẽ hai bạn đang đi học, bên đường có tiệm game và cảnh lớp học, có cô giáo và các bạn hs.  + nghe và đọc theo  + Hai HS đọc  + Em đồng tình với bạn Bo, không đồng tình với bạn Bi. Vì bạn Bo không ham chơi, đi học đúng giờ. Còn bạn Bi ham chơi game nên đến lớp muộn.  + Đi học đúng giờ giúp em được nghe giảng bài đầy đủ, học mau tiến bộ, không vi phạm nội quy trường lớp…………….   * Các nhóm khác đồng ý thì giơ mặt cười, không đồng ý giơ mặt méo. * Học sinh quan sát tranh và TLCH   + Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập từ tối hôm trước, đặt báo thức, thức dậy đúng giờ, ăn sáng và đi học đúng giờ…. |
| **Hoạt động 3: Luyện tập ( 10 phút)**  *Mục đích : Học sinh tập giải quyết các tình huống qua việc quan sát tranh.*  -Nội dung:  Củng cố kiểm nghiệm các kiến thức kĩ năng đã học  + HS đánh giá được thái độ, hành vi tự giác của bản thân và người khác.   * Sản phẩm: HS đánh giá được việc nên làm, không nên làm để đi học đúng giờ và nêu được các việc mình đã làm được. * Cách thức tiến hành: | | |
| * Cho Học sinh quan sát 3 tranh   và nêu tình huống trong mỗi bức tranh.   * GV giao nhiệm vụ cho học sinh thảo luận nhóm đôi nêu câu hỏi: * Trong 3 bức tranh em vừa quan sát, em thấy những việc nào nên làm và việc nào không nên làm? Vì sao?     - Em cần làm gì để đi học đúng giờ ?   * GV chốt ý: *Để đi học đúng giờ , cần phải :*   *+ Chuẩn bị đầy đủ quần áo , sách vở từ tối hôm trước , không thức khuya .*  *+ Để đồng hồ báo thức hoặc nhờ bố mẹ gọi dậy cho đúng giờ .*  *+ Tập thói quen dậy sớm, đúng giờ .* | * Học sinh quan sát tranh. * Phân nhóm thảo luận. * Học sinh đại diện các nhóm lên trình bày , * Việc em nên làm là:   + Soạn sách vở đúng giờ trước khi đi học.  + Ăn sáng đúng giờ.   * Việc không nên làm:   + Không được ngủ dậy muộn.   * Em sử dụng đồng hồ báo thức hoặc nhờ mẹ gọi dậy. Tối đi ngủ sớm, sáng dậy sớm, hoàn thành vệ sinh cá nhân, ăn sáng nhanh…,… | |
| * **Hoạt động 4: Thực hành (10 phút)** * Mục đích: HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để tự giác thực hiện các việc của mình trong thực tiễn đời sống hằng ngày. * Nội dung: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống. * Sản phẩm: HS nói được lời khuyên để bạn thay đổi hành vi. Em cùng bạn thực hiện hành vi tốt: thực hiện đi học đúng giờ.   Cách tiến hành: | | |
| - GV cho HS quan sát tranh, nêu nội dung bức tranh.  - GV chốt ý.  - Cho HS đóng vai theo tình huống trong tranh.  - Em sẽ khuyên bạn điều gì?  - Bạn nào ở lớp mình luôn đi học đúng giờ?  - Đi học đúng giờ để làm gì?  - GV kết luận: *Được đi học là quyền lợi của trẻ em. Đi học đúng giờ giúp em thực hiện tốt quyền được đi học của mình*  ***Nội quy mình nhớ khắc ghi***  ***Đến trường học tập em đi đúng giờ.***   * Nhận xét tiết học , tuyên dương học sinh tích cực hoạt động .   Dăn học sinh xem BT4,5 /24,25 để chuẩn bị cho tiết học sau . | * HS quan sát, nêu nội dung * HS thảo luận nhóm đôi đóng vai * HS nhận xét * HS trả lời: Bạn đi học rồi tối về xem ti vi, trễ học cổng trường đóng, hoặc đội cờ đỏ sẽ trừ điểm, …   HS trả lời | |
| **Hoạt động 5: Tổng kết (5 phút)**  - Mục đích: Giáo viên, học sinh nhận biết được mức độ HS đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực sau bài học.  - Nội dung: Tổng kết, đánh giá thông qua việc giao nhiệm vụ tiếp nối sau bài học. - Sản phẩm: Thực hiện Phiếu “Tuần tự giác đi học đúng giờ”.   - Cách thức tiến hành: | | |
| - Giao nhiệm vụ tiếp nối sau giờ học: phát cho mỗi HS một Phiếu “Tuần tự giác đi học đúng giờ”, yêu cầu HS về nhà thực hiện và chia sẻ lại kết quả với giáo viên và các bạn vào giờ học sau. Chú ý: Yêu cầu HS khoanh tròn vào hình khuôn mặt cười () với việc em đã tự giác làm hoặc mặt mếu D:\THUY DUONG\NAM HOC 2019-2020\TAP HUAN CM\GDPTMOI 2018\tải xuống.jpg với việc em chưa tự giác làm vào ô tương ứng ở cột Dành cho HS; Bố, mẹ HS đánh dấu (✓) nếu hài lòng về việc con mình đã tự giác làm.  - Nhận xét chung về sự tham gia của HS vào bài học.  ***Cách 2:*** GV hoặc cho HS theo dõi bạn đi học đúng giờ đánh x vào bảng chấm theo dõi ngày em đến trường ở mỗi lớp học.. | - Nhận nhiệm vụ tiếp nối và thực hiện theo yêu cầu. Yêu cầu cần đạt:  + HS nói ngắn gọn được những điều mình học được qua bài học này.  + HS thể hiện cam kết sẽ tự giác để đi học đúng giờ.  + HS thể hiện sự tự giác trong việc đi học đúng giờ. | |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SINH HOẠT TẬP THỂ TUẦN 12**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 3 “Truyền thống trường em”

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…
* HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - GV mời LT lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  **a/ Sơ kết tuần học**  \* Mục tiêu: HS biết được những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện nội quy lớp học.  \*Cách thức tiến hành:  - LT mời lần lượt các TT lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của lớp trong tuần qua.  - Lần lượt các TT lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động trong tuần qua.  Sau báo cáo của mỗi tổ, các thành viên trong lớp đóng góp ý kiến.  - LT nhận xét chung tinh thần làm việc của các TT và cho lớp nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Nếu các bạn không còn ý kiến gì thì cả lớp biểu quyết thống nhất với nội dung mà các trưởng ban đã báo cáo bằng một tràng pháo tay (vỗ tay).  - LT tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân, nhóm, ban điển hình của lớp; đồng thời nhắc nhở nhóm, ban nào cần hoạt động tích cực, trách nhiệm hơn (nếu có).  - LT mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  Dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp, giáo viên chủ nhiệm góp ý, nhận xét và đánh giá về:  + Phương pháp làm việc của Hội đồng tự quản, trưởng ban; uốn nắn điều chỉnh để rèn luyện kỹ năng tự quản cho lớp.  + Phát hiện và tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.  + Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện… (không nêu cụ thể tên học sinh vi phạm hay cần nhắc nhở trước tập thể lớp).  + Tiếp tục rút kinh nghiệm với những kết quả đạt được đồng thời định hướng kế hoạch hoạt động tuần tiếp theo.  - LT : Chúng em cảm ơn những ý kiến nhận xét của cô. Tuần tới chúng em hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn.  - LT : Trước khi xây dựng kế hoạch tuần tới, mời các bạn ở ban nào về vị trí ban của mình.  **b/ Xây dựng kế hoạch tuần tới**  \* Mục tiêu: HS biết được cách lập kế hoạch trong tuần tiếp theo.  \*Cách thức tiến hành:  **-** LT yêu cầu các TT dựa vào nội dung cô giáo vừa phổ biến, các tổ lập kế hoạch thực hiện.  - Các tổ thảo luận đề ra kế hoạch tuần tới với nhiệm vụ phải thực hiện và mục tiêu phấn đấu đạt được trên tinh thần khắc phục những mặt yếu kém tuần qua và phát huy những lợi thế đạt được của tập thể lớp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong mỗi ban.  -LT cho cả lớp hát một bài trước khi các ban báo cáo kế hoạch tuần tới.  - Lần lượt các TT báo cáo kế hoạch tuần tới.  Sau mỗi tổ báo cáo, tập thể lớp trao đổi, góp ý kiến và đi đến thống nhất phương án thực hiện.  - LT: Nhận xét chung tinh thần làm việc và kết qủa thảo luận của các ban.  Các bạn đã nắm được kế hoạch tuần tới chưa? (Cả lớp trả lời)  - LT: Chúng ta sẽ cùng nhau cố gắng thực hiện nhé! Bạn nào đồng ý cho 1 tràng pháo tay.  - LT: mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  - Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các ban.  **3. Sinh hoạt theo chủ đề**  Gv yêu cầu HS chia sẻ:  -Những điều đã học hỏi được và cảm nhận của em sau khi tham quan và được nghe giới thiệu về “Góc tri ân” của các lớp trong trường  -Những việc đã làm được để thể hiện lòng biết ơn, kính yêu thầy cô | -HS hát một số bài hát.  Các TT nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của các ban.  - LT nhận xét chung cả lớp.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe.  - Các TT thực hiện theo LT  - Các TT thảo luận và nêu kế hoạch tuần tới.  - TT lên báo cáo.  HS chia sẻ, lắng nghe, nhận xét  -HS biểu diễn các tiết mục văn nghệ về thầy cô. |
| **ĐÁNH GIÁ**   1. **Cá nhân tự đánh giá**   GV HD HS tự đánh giá việc thể hiện lòng kính yêu thầy cô theo các mức độ dưới đây:  -Tốt: Thường xuyên thực hiện được các yêu cầu sau:  +Chủ động chào thầy cô  +Lễ phép, kính yêu thầy cô  +Thực hiện được những việc làm thể hiện lòng kính yêu thầy cô  +Rèn luyện những điều thầy cô dạy hằng ngày  -Đạt: Thực hiện được các yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên  -Cần cố gắng: Chưa thực hiện được đầy đủ các yêu cầu trên, chưa thể hiện rõ, chưa thường xuyên  **b) Đánh giá theo tổ/ nhóm**  -GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau:  +Có chủ động, tự giác chào thầy cô không  +Có thực hiện được những việc làm thể hiện lòng kính yêu thầy cô không  +Thái độ tham gia hoạt động có tích cực, tự giác, hợp tác, trách nhiệm,… hay không  **c) Đánh giá chung của GV**  GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **4. Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | -HS tự đánh giá  -HS đánh giá lẫn nhau  -HS theo dõi  -HS lắng nghe |

**RÚT KINH NGHIỆM:**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**

**Tiếng việt**

**Tiết 154: Ôn luyện tuần 11( Tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các ap, ăp, âp, op, ôp, ơp đã học.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết câu có từ ngữ chứa một số vần đã học.

- Thêm yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

**1. Giáo viên:** Máy tính,ti vi, bộ chữ

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV cho học sinh xem video các chữ mẫu:  ap, ăp, âp, op, ôp, ơp  - GV yêu cầu học sinh đọc lại các vần  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào bảng con.  ap, ăp, âp, op, ôp, ơp, giáp, bắp, mập, hót, hộp, hớp.  - GV yêu cầu học sinh giơ bảng  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Nhận xét:**  - GV nhận xét bài viết của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **\* Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - hs xem video  - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết bảng con.  - Hs thực hiện.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………